

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2024

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn"

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Đức Thiện

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Bút

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 195/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hiền N**, sinh ngày 07/05/1989;

Căn cước công dân số: 049189011597; cấp ngày: 27/06/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Phước H**, sinh ngày 21/10/1991; Giấy chứng minh nhân dân số: 201592316 do Công an thành phố Đ cấp ngày 07/03/2007;

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/06/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hiền N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hiền N và ông Trần Phước H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/04/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2013, quyển số 01). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hay cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không đạt kết quả.

Nay bà N xác định không còn tình cảm thương yêu ông H, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Trần Phước H.

- *Về con chung*: Bà N xác định bà và ông H có 02 (hai) người con chung là Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/10/2013 và Trần Phước T1, sinh ngày 07/11/2019; Ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), mỗi một người con là 2.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung*: Bà N xác định không có.

- *Về nợ chung*: Bà N xác định không có.

\* *Bị đơn là ông Trần Phước H mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến, vẫn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hiền N.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hiền N đối với bị đơn là ông Trần Phước H về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*".

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị Hiền N được ly hôn với ông Trần Phước H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 (hai) người con là Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/10/2013 và Trần Phước T1, sinh ngày 07/11/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi một người con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị Hiền N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật; buộc ông Trần Phước H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố

Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hiền N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Trần Phước H có địa chỉ tại thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Trần Phước H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Trần Phước H.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hiền N và ông Trần Phước H có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 08/04/2013. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi đăng ký kết hôn thì bà N và ông H chung sống ở nhà cha mẹ của ông H tại thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Bà N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã lẫn nhau; vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2023 đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Để ổn định cuộc sống, bà Nguyễn Thị Hiền N đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Phước H.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh tại nơi ông H cư trú thể hiện vợ chồng ông bà đã không còn chung sống với nhau, phù hợp với lời trình bày của bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng ông Trần Phước H đều vắng mặt, điều này thể hiện sự không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình của ông H. Do đó, nguyện vọng yêu cầu được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của bà Nguyễn Thị Hiền N là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Trần Phước H không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà N nên Hội đồng xét xử không có cơ để xem xét.

[4] Về con chung: Bà N xác định bà và ông H có 02 (hai) người con chung là Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/10/2013 và Trần Phước T1, sinh ngày 07/11/2019. Ly hôn, bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 4.000.000 đồng, mỗi một người con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng một mặt phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới nguyện vọng, quyền lợi mọi mặt của con chung. Theo bà N thì hiện nay bà đang trực tiếp nuôi

dưỡng hai người con chung là Trần Nguyễn Anh T và Trần Phước T1. Ông H không có ý kiến, nguyện vọng trình bày về vấn đề con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi được nuôi con của bà N cũng như nguyện vọng của con Trần Nguyễn Anh T là được ở với bà N nên cần giao cả 02 người con là Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/10/2013 và Trần Phước T1, sinh ngày 07/11/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Phước H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng), mỗi một người con là 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2024 và vào ngày 10 hàng tháng.

Ông Trần Phước H không có ý kiến, nguyện vọng về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không có sở đề xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà N xác định bà và ông H không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hiền N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Phước H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hiền N về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” đối với bị đơn là ông Trần Phước H.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hiền N được ly hôn với ông Trần Phước H.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) người con là Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/10/2013 và Trần Phước T1, sinh ngày 07/11/2019 cho bà Nguyễn Thị Hiền N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Phước H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*), mỗi một người con là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2024 và vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** Bà N xác định bà và ông H không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Bà N xác định không có nên không đề cập giải quyết.

**5. Về án phí:**

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Hiền N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0002179 ngày 11 tháng 07 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Hiền N đã nộp đủ án phí.

+ Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Phước H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

**7. Về quyền yêu cầu thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện H, TP Đ (*Giấy CNKH số xx ngày 08/04/2013*);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đức Thiện**

